# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

***Cho năm tài chính 2024***

*Được kiểm toán bởi:*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K**

# MỤC LỤC


| STT | NỘI DUNG | Trang |
|---|---|---|
| **1** | **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc** | **1 - 2** |
| **2** | **Báo cáo kiểm toán độc lập** | **3 - 4** |
| **3** | **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán** | |
| | *Báo cáo tình hình tài chính* | 5 - 6 |
| | *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh* | 7 |
| | *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ* | 8 |
| | *Bản thuyết minh báo cáo tài chính* | 9 - 16 |

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/GP/KDBH, được cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đang hoạt động theo giấy phép trên và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC1/KDBH cấp ngày 09 tháng 08 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là: Môi giới Bảo hiểm.

Trụ sở chính của Công ty: 29 Lam Sơn, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VND

Mã số thuế: 0317028269

Chi tiết vốn điều lệ :

| Cổ đông góp vốn | Số cổ phần | Số tiền | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| Bà Lê Vũ Hoài Hương | 320.000 | 3.200.000.000 | 40% |
| Bà Nguyễn Thùy Dung | 320.000 | 3.200.000.000 | 40% |
| Ông Lê Sơn | 160.000 | 1.600.000.000 | 20% |
| **Cộng** | **800.000** | **8.000.000.000** | **100%** |

## Các sự kiện trong năm tài chính, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Trong năm 2024, công ty chỉ có doanh thu đến từ việc tăng giá trị hợp đồng bảo hiểm cũ, không có phát sinh doanh thu môi giới các hợp đồng bảo hiểm mới. Việc này dẫn đến chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01) trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh suy giảm đột ngột.

## Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Cao Bá Huy Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn.

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




**CAO BÁ HUY**
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**
THANG LONG - TDK AUDITING AND EVALUATION COMPANY LIMITED
**Địa chỉ:** Sàn KT- Chung cư cảnh sát 113- Số 3 Phố Nguyễn Như Uyên,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
**Tel:** 024 44 500 668 / **Fax:** 024 44 500 669 / **Website:** http://thanglongtdk.com.vn
**Email:** thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số : 06/2025/BCKT - TC

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

***Về Báo cáo tài chính năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024***
***của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB***

**Kính gửi:** **Chủ sở hữu, Ban Tổng Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB, được lập ngày 15/03/2025, từ trang 05 đến trang 16, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm 31/12/2024. Do hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế khác để xác định tính hiện hữu của khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi chỉ kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp.

Do hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi không được cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 319), chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế khác tại thời điểm thực hiện kiểm toán. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến đối với tính hiện hữu của các khoản mục và ảnh hưởng của các khoản mục này trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam. Kiểm toán viên của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam lập đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2024 có dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

| **Phó Tổng Giám đốc** | **Kiểm toán viên** |
|---|---|
| **NGUYỄN TIẾN THÀNH** | **KIM XUÂN CƯƠNG** |
| Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán : 1706-2023-045-1 | Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán : 5312-2025-045-1 |

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị tính: VND*

| | Tài sản | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **A** | **Tài sản ngắn hạn** | **100** | | **7.738.489.793** | **9.994.462.288** |
| ***I*** | ***Tiền và các khoản tương đương tiền*** | ***110*** | ***V.01*** | ***2.639.770.740*** | ***9.839.311.134*** |
| 1 | Tiền | 111 | | 2.639.770.740 | 5.639.311.134 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 4.200.000.000 |
| ***II*** | ***Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*** | ***120*** | | ***5.000.000.000*** | - |
| 1 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.02 | 5.000.000.000 | - |
| ***III*** | ***Các khoản phải thu ngắn hạn*** | ***130*** | | ***60.127.945*** | ***103.480.514*** |
| 1 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.03a | 15.580.000 | - |
| 2 | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.04 | 44.547.945 | 103.480.514 |
| ***IV*** | ***Hàng tồn kho*** | ***140*** | | - | - |
| ***V*** | ***Tài sản ngắn hạn khác*** | ***150*** | | ***38.591.108*** | ***51.670.640*** |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.05a | 21.979.997 | 35.059.529 |
| 2 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.07b | 16.611.111 | 16.611.111 |
| **B** | **Tài sản dài hạn** | **200** | | **196.684.123** | **542.786.366** |
| ***I*** | ***Các khoản phải thu dài hạn*** | ***210*** | | ***45.000.000*** | ***150.000.000*** |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 216 | V.03b | 45.000.000 | 150.000.000 |
| ***II*** | ***Tài sản cố định*** | ***220*** | | ***74.675.181*** | ***137.978.973*** |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.06 | 74.675.181 | 137.978.973 |
| | *- Nguyên giá* | *222* | | *198.736.363* | *198.736.363* |
| | *- Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(124.061.182)* | *(60.757.390)* |
| ***III*** | ***Bất động sản đầu tư*** | ***230*** | | - | - |
| ***IV*** | ***Tài sản dở dang dài hạn*** | ***240*** | | - | - |
| ***V*** | ***Đầu tư tài chính dài hạn*** | ***250*** | | - | - |
| ***VI*** | ***Tài sản dài hạn khác*** | ***260*** | | ***77.008.942*** | ***254.807.393*** |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.05b | 77.008.942 | 254.807.393 |
| | **Tổng cộng tài sản** | **270** | | **7.935.173.916** | **10.537.248.654** |

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị tính: VND*

| | Nguồn vốn | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **C** | **Nợ phải trả** | **300** | | **238.685.719** | **740.560.505** |
| ***I*** | ***Nợ ngắn hạn*** | ***310*** | | ***238.685.719*** | ***740.560.505*** |
| 1 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.07a | 40.343.882 | 589.207.374 |
| 2 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 8.716.735 |
| 3 | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.08 | 198.341.837 | 142.636.396 |
| ***II*** | ***Nợ dài hạn*** | ***330*** | | - | - |
| **D** | **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **400** | | **7.696.488.197** | **9.796.688.149** |
| ***I*** | ***Vốn chủ sở hữu*** | ***410*** | ***V.09*** | ***7.696.488.197*** | ***9.796.688.149*** |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| | *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *8.000.000.000* | *8.000.000.000* |
| | *- Cổ phiếu ưu đãi* | *411b* | | - | - |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (393.346.210) | 1.706.853.742 |
| | *- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | *1.706.853.742* | *722.568.857* |
| | *- LNST chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *(2.100.199.952)* | *984.284.885* |
| 3 | Quỹ dự trữ bắt buộc | 423 | | 89.834.407 | 89.834.407 |
| ***II*** | ***Nguồn kinh phí và quỹ khác*** | ***430*** | | - | - |
| | **Tổng cộng nguồn vốn** | **440** | | **7.935.173.916** | **10.537.248.654** |

*Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025*

| Người lập biểu | Phụ trách kế toán | Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thiện Nhân | | Cao Bá Huy |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
*Năm 2024*

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 117.378.855 | 8.126.896.657 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 117.378.855 | 8.126.896.657 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 857.520.631 | 2.538.067.206 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | (740.141.776) | 5.588.829.451 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 209.182.088 | 705.289.105 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | 30.225.772 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.04 | 1.568.757.513 | 5.016.450.107 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (2.099.717.201) | 1.247.442.677 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | 200.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 482.751 | 14.215.888 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (482.751) | (14.015.888) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (2.100.199.952) | 1.233.426.789 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.05 | - | 249.141.904 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (2.100.199.952) | 984.284.885 |

*Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025*

| Người lập biểu | Phụ trách kế toán | Giám đốc |
|---|---|---|
| | | |
| | Nguyễn Thiện Nhân | Cao Bá Huy |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
*(Theo phương pháp gián tiếp)*
*Năm 2024*

*Đơn vị tính: VND*

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | |
| ***1.Lợi nhuận trước thuế*** | *01* | ***(2.100.199.952)*** | ***1.233.426.789*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản*** | | ***63.303.792*** | ***50.212.065*** |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 63.303.792 | 50.212.065 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (3.531.070) | (448.115) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (205.651.018) | (450.630.809) |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | *08* | ***(2.246.078.248)*** | ***832.559.930*** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 148.352.569 | (89.725.712) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | - | 89.090.909 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | (252.732.882) | (258.559) |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | 190.877.983 | 150.811.113 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (249.141.904) | (203.058.755) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***(2.408.722.482)*** | ***779.418.926*** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | (71.563.636) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (5.000.000.000) | |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 205.651.018 | 450.630.809 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***(4.794.348.982)*** | ***379.067.173*** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | - | - |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)** | **50** | **(7.203.071.464)** | **1.158.486.099** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **60** | **9.839.311.134** | **8.680.376.920** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 3.531.070 | 448.115 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)** | **70** | **2.639.770.740** | **9.839.311.134** |

*Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025*

| Người lập biểu | Phụ trách kế toán | Giám đốc |
|---|---|---|
| | | Cao Bá Huy |

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### *1. Hình thức sở hữu vốn*

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm DIB (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty: 8.000.000.000 đồng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 08 người.

Chi tiết vốn điều lệ :

| Cổ đông góp vốn | Số cổ phần | Số tiền | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| Bà Lê Vũ Hoài Hương | 320.000 | 3.200.000.000 | 40% |
| Bà Nguyễn Thùy Dung | 320.000 | 3.200.000.000 | 40% |
| Ông Lê Sơn | 160.000 | 1.600.000.000 | 20% |
| **Cộng** | **800.000** | **8.000.000.000** | **100%** |

### *2. Lĩnh vực kinh doanh*

Môi giới bảo hiểm.

### *3. Ngành nghề kinh doanh:*

- Môi giới bảo hiểm. Chi tiết :

Môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm ;

Hoạt động phụ trợ bảo hiểm : tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

### *4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:*

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng.

### *5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:*

Các số liệu tương ứng của của các năm trước so sánh được với số liệu của năm nay

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

*1.1.* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với Hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với Nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với Nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

*1.2.* Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là Tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là Nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

**Chi phí trả trước:**

*Chi phí trả trước ngắn hạn :* Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**7.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**7.2. Doanh thu hoạt động tài chính**: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh**

**Chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí quản lý kinh doanh:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo

kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Đơn vị tính: VND*

**1. Tiền**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 1.927.766.542 | 2.132.693.517 |
| Tiền gửi ngân hàng | 712.004.198 | 3.506.617.617 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 4.200.000.000 |
| **Cộng** | **2.639.770.740** | **9.839.311.134** |

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **5.000.000.000** | - |
| **Tiền gửi có có kỳ hạn** | **5.000.000.000** | - |
| *- Ngân hàng TMCP Techcombank* | *5.000.000.000* | - |
| **b) Dài hạn** | - | - |
| **Cộng** | **5.000.000.000** | - |

**3. Trả trước cho người bán**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **15.580.000** | - |
| Nguyễn Hồng Ái Vân | 15.000.000 | - |
| Các đối tượng khác | 580.000 | - |
| **b) Dài hạn** | - | - |
| **Cộng** | **15.580.000** | - |

## 4. Phải thu khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| **a) Ngắn hạn** | **44.547.945** | - | **103.480.514** | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 44.547.945 | - | 103.480.514 | - |
| *- Lãi tiền gửi* | *44.547.945* | - | *69.143.014* | - |
| *- Thuế TNCN hoàn trả cho người lao động* | - | - | *34.337.500* | - |
| **b) Dài hạn** | **45.000.000** | - | **150.000.000** | - |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 45.000.000 | - | 150.000.000 | - |
| **Cộng** | **89.547.945** | - | **253.480.514** | - |

## 5. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **a) Ngắn hạn** | **21.979.997** | **35.059.529** |
| Công cụ dụng cụ | - | 2.249.997 |
| Chi phí trả trước | 21.979.997 | 32.809.532 |
| **b) Dài hạn** | **77.008.942** | **254.807.393** |
| Chi phí trả trước | 1.752.778 | 1.760.000 |
| Công cụ dụng cụ | 75.256.164 | 253.047.393 |
| **Cộng** | **98.988.939** | **289.866.922** |

## 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Chỉ tiêu | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---|---|---|---|
| **I. Nguyên giá** | | | |
| **Số dư đầu năm** | **163.436.363** | **35.300.000** | **198.736.363** |
| **Số dư cuối năm** | **163.436.363** | **35.300.000** | **198.736.363** |
| **II. Giá trị hao mòn luỹ kế** | | | |
| **Số dư đầu năm** | **54.212.179** | **6.545.211** | **60.757.390** |
| - Khấu hao trong năm | 43.666.854 | 19.636.938 | 63.303.792 |
| **Số dư cuối năm** | **97.879.033** | **26.182.149** | **124.061.182** |
| **III. Giá trị còn lại** | | | |
| **1. Tại ngày đầu năm** | **109.224.184** | **28.754.789** | **137.978.973** |
| **2. Tại ngày cuối năm** | **65.557.330** | **9.117.851** | **74.675.181** |

## 7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số cuối năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải nộp trong năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **a) Phải nộp** | **40.343.882** | **518.467.279** | **(30.396.213)** | **589.207.374** |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 66.099 | 249.141.904 | - | 249.208.003 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 40.277.783 | 267.325.375 | 7.881.570 | 299.721.588 |
| - Các loại thuế khác | - | 2.000.000 | (38.277.783) | 40.277.783 |
| **Cộng** | **40.343.882** | **518.467.279** | **(30.396.213)** | **589.207.374** |
| **b) Phải thu** | **16.611.111** | - | - | **16.611.111** |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 16.611.111 | - | - | 16.611.111 |
| **Cộng** | **16.611.111** | - | - | **16.611.111** |

## 8. Phải trả khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số khả năng trả nợ | Giá trị | Số khả năng trả nợ |
| **a) Ngắn hạn** | **198.341.837** | **198.341.837** | **142.636.396** | **142.636.396** |
| Kinh phí công đoàn | 73.927.000 | 73.927.000 | 44.479.000 | 44.479.000 |
| Phí bảo hiểm thu hộ doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài | 67.438.386 | 67.438.386 | 84.484.201 | 84.484.201 |
| Thuế phải trả cho các hộ kinh doanh | 56.944.451 | 56.944.451 | - | - |
| Thuế TNCN phải trả cho người lao động | 32.000 | 32.000 | 13.673.195 | 13.673.195 |
| **b) Dài hạn** | - | - | - | - |
| **Cộng** | **198.341.837** | **198.341.837** | **142.636.396** | **142.636.396** |

## 9 Vốn chủ sở hữu

### *9.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

| Chỉ tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ dự trữ bắt buộc | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Số dư đầu năm trước** | **8.000.000.000** | **40.620.163** | **722.568.857** | **8.763.189.020** |
| - Lãi tăng trong năm trước | - | - | 984.284.885 | 984.284.885 |
| - Trích quỹ dự trữ bắt buộc | - | 49.214.244 | - | 49.214.244 |
| **Số dư cuối năm trước** | **8.000.000.000** | **89.834.407** | **1.706.853.742** | **9.796.688.149** |
| **Số dư đầu năm nay** | **8.000.000.000** | **89.834.407** | **1.706.853.742** | **9.796.688.149** |
| - Lỗ trong năm | - | - | (2.100.199.952) | (2.100.199.952) |
| **Số dư cuối năm nay** | **8.000.000.000** | **89.834.407** | **(393.346.210)** | **7.696.488.197** |

### *9.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu*

| Chủ sở hữu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Bà Lê Vũ Hoài Hương | 3.200.000.000 | 3.200.000.000 |
| Bà Nguyễn Thùy Dung | 3.200.000.000 | 3.200.000.000 |
| Ông Lê Sơn | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 |
| **Cộng** | **8.000.000.000** | **8.000.000.000** |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Đơn vị tính: VND*

### 1. Doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 117.378.855 | 8.126.896.657 |
| **Cộng** | **117.378.855** | **8.126.896.657** |

### 2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 857.520.631 | 2.538.067.206 |
| **Cộng** | **857.520.631** | **2.538.067.206** |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn | 205.651.018 | 450.630.809 |
| Lãi từ chênh lệch tỷ giá trong kỳ | - | 254.658.296 |
| Lãi từ đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ | 3.531.070 | - |
| **Cộng** | **209.182.088** | **705.289.105** |

## 4. Chi phí quản lý kinh doanh

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên quản lý | 607.171.000 | 1.782.347.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 216.183.758 | 293.200.367 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 63.303.792 | 50.212.065 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.000.000 | 8.341.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 483.420.069 | 2.557.087.659 |
| Chi phí bằng tiền khác | 196.678.894 | 325.262.016 |
| **Cộng** | **1.568.757.513** | **5.016.450.107** |

## 5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| Chỉ tiêu | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.100.199.952) | 1.233.426.789 |
| Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế | 19.914.239 | 12.826.999 |
| Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế | - | (544.266) |
| Thu nhập tính thuế | (2.080.285.712) | 1.245.709.522 |
| Thuế TNDN phải nộp năm nay | - | 249.141.904 |
| **Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành** | - | **249.141.904** |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau :

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị (VND) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| Cao Bá Huy | Tổng Giám đốc | Thu nhập trong năm | 317.760.000 | 828.340.000 |
| Nguyễn Thùy Dung | Thành viên góp vốn | Thu nhập trong năm | 146.760.000 | 317.840.000 |

### 2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam.

### 3. Khả năng hoạt động liên tục

Công ty khẳng định tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, không có bất kỳ yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

*Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025*

| Người lập biểu | Phụ trách kế toán | Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thiện Nhân | | Cao Bá Huy |